

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ QUỐC
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 24/8/2017
V/v: "Xin ly hôn".

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ QUỐC - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trương Ngọc Hồng**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Nguyễn Phước Lộc**
2. Bà **Nguyễn Thị Thu Ba**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Cẩm Duyên** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Quốc: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 24 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 202/2017/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2017 về việc "Xin ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 60/2017/QĐST-DS ngày 08 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Trang Kim L**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp S, xã P, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

- Bị đơn: Anh **Phan Bửu H**, sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp L, xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang

(chị L có mặt, anh H có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trang Kim L trình bày:

Năm 2004, chị và anh H tìm hiểu và tự nguyện đến với nhau. Có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện P, Kiên Giang, giấy chứng nhận kết hôn số 39, quyển số 01 ngày 27/7/2004.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống vui vẻ hạnh phúc, nhưng đến năm 2006 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H thường xuyên rượu chè, không chăm lo cho cuộc sống gia đình, từ đó vợ chồng thường xuyên cãi nhau, dẫn đến bất đồng quan điểm trong cuộc sống, mặc dù vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn tình cảm nhưng không thành và đã ly thân nhau từ năm 2006 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng đã rạn nứt không thể hàn gắn, cuộc sống hôn nhân không đạt được, không thể nào chung sống với nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có với nhau một người con chung tên Phan Hồng A, sinh ngày 20/10/2005. Chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu A đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Phan Bửu H có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng tại bản tự khai ngày 03/8/2017 anh H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân, tài sản chung và nợ chung thì anh H thống nhất với lời trình bày của chị L. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, anh và chị L cũng đã ly thân được 12 năm do đó anh đồng ý ly hôn với chị L.

Về con chung: Anh đồng ý giao con chung tên Phan Hồng A, sinh ngày 20/10/2005 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L.

Tại bản tự khai ngày 10/7/2017 cháu Phan Hồng A trình bày:

Cháu là con của cha Phan Bửu H và mẹ Trang Kim L. Hiện cháu đang sống với mẹ. Nếu cha mẹ cháu ly hôn thì cháu có nguyện vọng được sống với mẹ, đây là nguyện vọng của cháu không bị ai ép buộc.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Phan Bửu H là bị đơn trong vụ án có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt anh H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2004 chị Trang Kim L và anh Phan Bửu H tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện P, tỉnh Kiên Giang ngày 27/7/2004 đây là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2006 vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng hay cãi nhau dẫn đến bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, do đó anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2006 đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn nên chị L yêu cầu được ly hôn với anh H.

[3] Tại phiên tòa chị L khẳng định không còn tình cảm với anh H nên không thể tiếp tục chung sống được nữa. Xét thấy tình cảm của chị L đối với anh H không còn, vợ chồng sống ly thân đã 12 năm nay, quan hệ hôn nhân không thể hàn gắn, mục đích của hôn nhân không đạt được, đồng thời anh H cũng đồng ý ly hôn với chị L. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L được ly hôn với anh H.

[4] Về con chung: Chị L và anh H thống nhất giao con chung tên Phan Hồng A, sinh ngày 20/10/2005 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh H không cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L. Tại bản tự khai ngày 10/7/2017 cháu L có nguyện vọng được sống với chị L. Nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của chị L và anh H giao cháu A cho chị L chăm sóc nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 266; 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trang Kim L được ly hôn với anh Phan Bửu H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phan Hồng A, sinh ngày 20/10/2005 cho chị L chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với chị L.

Anh Hiếu có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được ngăn cản.

Trên cơ sở lợi ích của con, chị L và anh H có quyền yêu cầu thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị L phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng); được khấu trừ tiền tạm ứng án phí chị L đã nộp 300.000 đồng, theo biên lai thu số 0006046 ngày 27/6/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Quốc. Chị L không phải nộp thêm. Anh H không phải chịu án phí sơ thẩm.

Báo cho các đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- VKSND huyện Phú Quốc;
- Chi cục THA dân sự huyện Phú Quốc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Trương Ngọc Hồng